

Số: /BC-UBND

Quảng Trị, ngày tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO

Việc thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035

Thực hiện Kế hoạch số 166/KH-ĐGS ngày 17/6/2026 của Đoàn Giám sát Hội đồng Dân tộc về việc Tổ chức giám sát chuyên đề “thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035”; Công văn số 189/HĐDT16 ngày 22/6/2026 của Hội đồng Dân tộc, Quốc hội Khóa XVI về việc báo cáo phục vụ giám sát thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội thực hiện các Chương trình MTQG; UBND tỉnh Quảng Trị báo cáo như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ HOÀN THIỆN VĂN BẢN

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, ngay từ cuối năm 2025, tỉnh Quảng Trị đã chủ động triển khai các nhiệm vụ chuẩn bị và tổ chức thực hiện Chương trình theo hướng thống nhất, đồng bộ, phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương và mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, đồng thời tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên tiếp của giai đoạn 2021 - 2025 và các điều kiện cần thiết để triển khai giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030.

Trên cơ sở Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ về thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2035, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 828/KH-UBND ngày 10/3/2026 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 424/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030. Đây là cơ sở quan trọng để tinh cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và tổ chức triển khai Chương trình phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Cùng với đó, tỉnh đã chủ động triển khai các chủ trương, định hướng

của Trung ương và của tỉnh có liên quan đến tổ chức thực hiện Chương trình¹ đã tạo cơ sở định hướng, pháp lý và chuyên môn để tỉnh tổ chức thực hiện Chương trình theo một khuôn khổ thống nhất.

Công tác chỉ đạo, điều hành từng bước được đổi mới theo hướng thống nhất, tích hợp và xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Thay vì tổ chức thực hiện riêng lẻ từng chương trình, tỉnh từng bước chuyển sang phương thức quản lý tổng thể, gắn kết các mục tiêu, nhiệm vụ và nguồn lực trong cùng một Chương trình; tăng cường lồng ghép nguồn lực, hạn chế trùng lặp về địa bàn, đối tượng và nội dung hỗ trợ, đồng thời bảo đảm việc triển khai phù hợp với đặc điểm và nhu cầu thực tế của từng địa bàn.

Quan điểm, mục tiêu và định hướng lớn trong tổ chức thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2035 được cụ thể hóa tại Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 07/7/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035. Nghị quyết là cơ sở chính trị quan trọng để UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị và địa phương cụ thể hóa thành chương trình hành động, kế hoạch, nhiệm vụ và giải pháp tổ chức thực hiện trong từng giai đoạn.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 20/5/2026 về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026–2030. Sau đó, thực hiện Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 27/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2793/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Trị, thay thế mô hình Ban Chỉ đạo theo từng chương trình trước đây. Việc kiện toàn Ban Chỉ đạo theo hướng thống nhất đầu mối đã tạo cơ sở nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương trong tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm triển khai đồng bộ, thống nhất và hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1669/QĐ-UBND ngày 06/5/2026 về việc phân công chủ trì, hướng dẫn thực hiện các hợp phần, nội dung Chương trình giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm

¹ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 và Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030.

2030. Việc phân công này góp phần xác định rõ cơ quan chủ trì đối với từng hợp phần, nội dung, hạn chế tình trạng chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ và nâng cao trách nhiệm của từng cơ quan trong quá trình tổ chức thực hiện. Trên cơ sở đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường cũng đã tiếp tục phân công các phòng, đơn vị trực thuộc theo dõi, hướng dẫn thực hiện các hợp phần, nội dung Chương trình, tạo sự thống nhất từ cấp tỉnh đến các cơ quan trực tiếp tham mưu, hướng dẫn và tổ chức thực hiện.

Trong quá trình triển khai, tỉnh đã chú trọng xác định địa bàn, đối tượng và phạm vi ưu tiên làm cơ sở tổ chức thực hiện Chương trình. Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 2556a/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 về điều chỉnh khu vực I, II, III ban hành kèm theo Quyết định số 668/QĐ-UBND là căn cứ quan trọng để xác định đúng địa bàn và đối tượng thụ hưởng, bảo đảm việc xác định địa bàn thực hiện Chương trình được cập nhật phù hợp với tình hình thực tế. Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách các xã trên địa bàn tỉnh thuộc xã nhóm 1, xã nhóm 2, xã nhóm 3 để chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới là một trong những căn cứ để tỉnh xác định trọng tâm chỉ đạo, phân loại mức độ ưu tiên và tổ chức các giải pháp phù hợp với điều kiện của từng nhóm xã trên địa bàn tỉnh.

Việc triển khai Chương trình cũng được gắn với các nhiệm vụ cụ thể về nâng cao chất lượng và phát triển các mô hình phù hợp với định hướng chung. UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1038/UBND-NNMT ngày 23/3/2026 về chỉ đạo xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026; Công văn số 2440/UBND-NNMT ngày 25/5/2026 về giao nhiệm vụ hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện các tiêu chí chưa đạt của các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026; Công văn số 3032/UBND-NNMT ngày 23/6/2026 về triển khai thực hiện xã nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030. Các văn bản này được triển khai trong tổng thể Chương trình, nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ theo địa bàn, đồng thời gắn việc nâng cao chất lượng phát triển với mục tiêu cải thiện đời sống, thu nhập và điều kiện tiếp cận các dịch vụ thiết yếu của người dân.

Công tác chỉ đạo, điều hành cũng được tăng cường thông qua việc thường xuyên rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Trước khi bước vào giai đoạn mới, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1947/UBND-TH ngày 18/11/2025 về giải quyết khó khăn, vướng mắc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia. Trong quá trình triển khai giai đoạn 2026 - 2030, Văn phòng UBND tỉnh ban hành Công văn số 3157/VP-NNMT ngày 22/4/2026 về triển khai các nhiệm vụ thực hiện Chương trình; Công văn số 2847/UBND-NNMT ngày 12/6/2026 về đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 -

2030. Qua đó, công tác chỉ đạo được thực hiện theo hướng thường xuyên theo dõi tiến độ, kịp thời phát hiện các điểm nghẽn và yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung xử lý.

Công tác quản lý, phân bổ và sử dụng nguồn lực, tỉnh đã chủ động rà soát, chuyển tiếp các nguồn vốn chưa giải ngân của giai đoạn trước sang năm 2026. Công văn số 74/UBND-NC ngày 12/01/2026 về rà soát, chuyển nguồn vốn kéo dài sang năm 2026 là một trong những văn bản quan trọng nhằm bảo đảm tính liên tục trong thực hiện nhiệm vụ và hạn chế gián đoạn trong quá trình chuyển tiếp giữa hai giai đoạn. Đối với các nội dung liên quan đến địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Văn bản số 776/SDTTG-KHTH ngày 29/6/2026 hướng dẫn phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước đối với các nội dung, chính sách và đơn đốc giải ngân vốn năm 2025 kéo dài sang năm 2026 đã góp phần cụ thể hóa việc tổ chức thực hiện và đẩy nhanh tiến độ giải ngân. Trong quá trình chuyển sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp, tỉnh đã ban hành Công văn số 940/UBND-NNMT ngày 17/3/2026 về triển khai thực hiện Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Văn bản này là cơ sở để từng bước cụ thể hóa các yêu cầu về phân cấp, phân quyền, trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

Việc chuyển sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp bước đầu tạo điều kiện tăng cường vai trò, trách nhiệm và tính chủ động của chính quyền cấp xã. Cấp xã có điều kiện trực tiếp hơn trong việc rà soát nhu cầu, xác định đối tượng và địa bàn ưu tiên, tổ chức thực hiện và huy động sự tham gia của người dân, cộng đồng. Tuy nhiên, quá trình chuyển tiếp cũng đặt ra một số khó khăn, nhất là trong việc sắp xếp, phân định chức năng, nhiệm vụ; bàn giao hồ sơ, tài liệu, nhiệm vụ và nguồn lực; điều chỉnh cơ chế phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo; đồng thời đòi hỏi tiếp tục nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ trực tiếp tham mưu, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình tại cơ sở.

2. Về hoàn thiện chính sách, văn bản quản lý, hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình

Cùng với công tác chỉ đạo, điều hành, tỉnh Quảng Trị đã chủ động rà soát hệ thống văn bản của Trung ương và địa phương có liên quan đến Chương trình, đồng thời tổ chức tham mưu, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa chủ trương, chính sách và hướng dẫn tổ chức thực hiện trên địa bàn². Việc ban hành các văn bản cho thấy tỉnh đã từng bước hình thành cơ chế chỉ đạo xuyên suốt, từ định hướng chính trị, kế hoạch tổ chức thực

² Ngoài ra, tỉnh đã ban hành Công văn số 1947/UBND-TH ngày 18/11/2025 về giải quyết khó khăn, vướng mắc thực hiện Chương trình; Công văn số 1038/UBND-NNMT ngày 23/3/2026 về chỉ đạo xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026; Công văn số 3157/VP-NNMT ngày 22/4/2026 của Văn phòng UBND tỉnh về triển khai các nhiệm vụ thực hiện Chương trình; và Công văn số 2440/UBND-NNMT ngày 25/5/2026 về giao nhiệm vụ hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện các tiêu chí chưa đạt của các xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2026.

hiện, xác định địa bàn, phân công trách nhiệm, đến chỉ đạo xử lý khó khăn và hỗ trợ trực tiếp cho cơ sở.

Về lập, phân bổ và giải ngân vốn ngân sách nhà nước, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 74/UBND-NC ngày 12/01/2026 về rà soát, chuyển nguồn vốn kéo dài sang năm 2026; Văn bản số 776/SDTTG-KHTH ngày 29/6/2026 hướng dẫn phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước đối với các nội dung, chính sách và đơn đốc giải ngân vốn năm 2025 kéo dài sang năm 2026; Công văn số 2847/UBND-NNMT ngày 12/6/2026 về đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030; và Công văn số 3032/UBND-NNMT ngày 23/6/2026 về triển khai thực hiện xã nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 – 2030. Đặc biệt, ngày 17/7/2026, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương và chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 – 2030, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tạo cơ sở pháp lý trực tiếp để tỉnh tổ chức phân bổ, huy động và sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình; đồng thời xác định rõ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước, trách nhiệm đối ứng của ngân sách địa phương và các chính sách hỗ trợ thuộc thẩm quyền của tỉnh. Việc ban hành Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND góp phần hoàn thiện cơ chế tài chính của Chương trình theo hướng thống nhất, công khai, minh bạch, phù hợp với đặc điểm từng địa bàn, đối tượng và nội dung thực hiện; tạo cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch, phân bổ nguồn lực, tổ chức thực hiện và lồng ghép các nguồn vốn, bảo đảm sử dụng nguồn lực đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả và tránh trùng lặp.

Về cơ chế, chính sách và hướng dẫn thực hiện các nội dung của Chương trình, tỉnh đã ban hành Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 phê duyệt danh sách các xã trên địa bàn tỉnh thuộc xã nhóm 1, xã nhóm 2, xã nhóm 3 để chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới. Đặc biệt, Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của UBND tỉnh quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 – 2030; 18/18 Sở, ban, ngành cấp tỉnh đã ban hành văn bản hướng dẫn các tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Việc ban hành các quy định, hướng dẫn đã cụ thể hóa Bộ tiêu chí quốc gia phù hợp với điều kiện của tỉnh, tạo căn cứ để tổ chức đánh giá, chỉ đạo và triển khai các nhiệm vụ tại cấp xã.

Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục hoàn thiện các quy định về bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới, mô hình thôn nông thôn mới thông minh và vườn mẫu nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; nghiên cứu ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại; hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới; ban hành các văn bản hướng dẫn về định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện các nội dung của Chương trình và xây dựng sổ tay, cẩm nang hướng dẫn

thực hiện Chương trình theo hướng số hóa. Những nội dung này có ý nghĩa quan trọng trong việc chuyển các mục tiêu, nguyên tắc và tiêu chí chung thành các yêu cầu cụ thể, dễ áp dụng và phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở; đồng thời góp phần nâng cao năng lực tổ chức thực hiện và giảm sự lúng túng trong quá trình triển khai.

Bên cạnh những kết quả đạt được, một số văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, điều hành vẫn đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện. Nguyên nhân chủ yếu là một số văn bản nền tảng của Trung ương mới được ban hành hoặc đang trong quá trình hoàn thiện, đòi hỏi địa phương phải tiếp tục nghiên cứu, rà soát và cụ thể hóa cho phù hợp với điều kiện thực tế, đặc biệt là địa bàn miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn. Bên cạnh đó, việc chuyển sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp cũng đặt ra yêu cầu phải rà soát, điều chỉnh lại một số nội dung về thẩm quyền, trách nhiệm, quy trình tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp.

Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục rà soát toàn bộ hệ thống văn bản liên quan đến Chương trình; kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh các quy định còn bất cập; đồng thời hoàn thiện các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Quảng Trị. Việc xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù được định hướng theo hướng đơn giản hóa thủ tục, tăng cường phân cấp, phát huy vai trò của cộng đồng dân cư, hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế và nâng cao thu nhập. Đối với các địa bàn có điều kiện đặc thù, nhất là địa bàn miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các địa bàn còn nhiều khó khăn, cần tiếp tục nghiên cứu các cơ chế phù hợp với điều kiện địa hình chia cắt, dân cư phân tán và năng lực tổ chức thực hiện ở cơ sở.

Nhìn chung, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai Chương trình trong giai đoạn đầu đã được tỉnh quan tâm thực hiện tương đối kịp thời, thể hiện sự chủ động trong việc cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Trung ương. Hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, cơ chế quản lý, tổ chức bộ máy và phân công nhiệm vụ từng bước được ban hành, tạo nền tảng quan trọng về chính trị, pháp lý, tổ chức và chuyên môn cho việc triển khai Chương trình theo hướng thống nhất, đồng bộ và tích hợp. Qua đó, cơ bản xác lập được khung quản lý, cơ chế phối hợp, địa bàn thực hiện, mục tiêu, tiêu chí và trách nhiệm của các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện Chương trình. Tuy nhiên, hệ thống văn bản hiện vẫn cần tiếp tục được rà soát, bổ sung và hoàn thiện nhằm bảo đảm tính đầy đủ, đồng bộ, thống nhất và phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Một số nội dung quan trọng còn phụ thuộc vào các quy định, hướng dẫn của Trung ương, đặc biệt là các cơ chế, chính sách đặc thù; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn lực; cơ chế đầu tư, quản lý và sử dụng vốn; cũng như các quy định về phân cấp, phân quyền và tổ chức thực hiện. Trong thời gian tới, cần tiếp tục đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các văn bản còn thiếu, bảo đảm sự thống nhất giữa cơ chế, chính sách, nguồn lực và tổ chức thực hiện; đồng thời tăng cường

gắn kết giữa phân cấp, phân quyền với trách nhiệm giải trình, công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai Chương trình, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

(Danh mục văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn chi tiết tại phụ lục số 01 kèm theo)

II. VỀ HUY ĐỘNG, PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Việc thực hiện và giải ngân nguồn vốn năm 2025 (bao gồm các năm trước được chuyển nguồn sang năm 2025) được kéo dài sang năm 2026

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương rà soát các nguồn vốn của chương trình giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện thủ tục chuyển nguồn, kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2026; theo đó, tổng nguồn vốn ngân sách trung ương kéo dài là 510.041 triệu đồng (bao gồm: vốn đầu tư công là 149.095 triệu đồng, vốn chi thường xuyên là 360.946 triệu đồng), trong đó:

+ Nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới kéo dài là 30.127 triệu đồng (bao gồm: vốn đầu tư công là 13.806 triệu đồng, vốn chi thường xuyên là 16.321 triệu đồng).

+ Nguồn vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững kéo dài là 109.678 triệu đồng (bao gồm: vốn đầu tư công là 10.997 triệu đồng, vốn chi thường xuyên là 98.681 triệu đồng).

+ Nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kéo dài là 370.236 triệu đồng (bao gồm: vốn đầu tư công là 124.292 triệu đồng, vốn chi thường xuyên là 245.944 triệu đồng).

Các đơn vị, địa phương đã tập trung triển khai thực hiện và giải ngân nguồn vốn, đến ngày 30/6/2026 số vốn ngân sách trung ương kéo dài của chương trình đã giải ngân là 80.583 triệu đồng, đạt 15,8% (bao gồm: vốn đầu tư công giải ngân là 37.179 triệu đồng, vốn chi thường xuyên giải ngân là 43.404 triệu đồng), trong đó:

+ Nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giải ngân là 2.221 triệu đồng, đạt 7,4% (bao gồm: vốn đầu tư công giải ngân là 1.590 triệu đồng, vốn chi thường xuyên giải ngân là 631 triệu đồng).

+ Nguồn vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giải ngân là 13.300 triệu đồng, đạt 12,1% (bao gồm: vốn đầu tư công giải ngân là 6.239 triệu đồng, vốn chi thường xuyên giải ngân là 7.061 triệu đồng).

+ Nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giải ngân là 65.062 triệu đồng, đạt 17,6% (bao gồm:

vốn đầu tư công giải ngân là 29.350 triệu đồng, vốn chi thường xuyên giải ngân là 35.712 triệu đồng).

Công tác triển khai và giải ngân nguồn vốn còn chậm do một số nguyên nhân sau: Một số dự án phải điều chỉnh hồ sơ, thủ tục đầu tư, gia hạn thời gian thực hiện theo quy định mới. Công tác giải phóng mặt bằng tại một số địa phương còn chậm. Năng lực tổ chức thực hiện của một số chủ đầu tư, cấp cơ sở còn hạn chế. Một số nội dung hỗ trợ thuộc vốn sự nghiệp thực hiện theo cơ chế mới nên mất nhiều thời gian hướng dẫn, hoàn thiện hồ sơ. Giá nguyên vật liệu biến động ảnh hưởng đến tiến độ thi công. Một số địa phương còn lúng túng trong công tác thanh quyết toán, hoàn thiện hồ sơ giải ngân.

Bên cạnh đó, sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, một số hồ sơ, tài liệu và thủ tục hành chính phải rà soát, điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với đơn vị hành chính mới theo quy định; cán bộ phải kiêm nhiệm nhiều công việc, nhiều lĩnh vực mới chưa được đào tạo chuyên môn nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân nguồn vốn. Hiện nay, các đơn vị, địa phương đang tập trung đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, phấn đấu giải ngân 100% nguồn vốn năm 2025 được kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2026.

2. Việc huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026

Thực hiện Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ³; HĐND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương và chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030.

Thực hiện Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29/6/2026⁴, Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ⁵; HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và năm 2026 nguồn NSTW thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát

³ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030

⁴ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030 của các chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 1) cho các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

⁵ về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 (đợt 2) cho các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030

triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đối với nguồn vốn chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026, UBND tỉnh đang xây dựng phương án phân bổ và sẽ trình HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Công tác chuẩn bị các điều kiện triển khai kế hoạch vốn năm 2026

Về mặt tổ chức, bộ máy điều hành: UBND tỉnh đang khẩn trương kiện toàn Ban chỉ đạo các chương trình MTQG của tỉnh (thay thế cho Ban chỉ đạo chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) và tổ chức lại cơ quan giúp việc cho Ban chỉ đạo tỉnh.

Về mặt cơ chế, chính sách: UBND tỉnh đã giao Sở Tài chính rà soát, cân đối, tham mưu bố trí nguồn vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh để thực hiện chương trình, giao Sở Xây dựng xây dựng quy định về danh mục loại dự án đặc thù, tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và quy trình bảo trì mẫu; đồng thời chuẩn bị hướng dẫn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đơn giản thực hiện dự án đầu tư đặc thù nhằm tạo điều kiện cho cấp cơ sở triển khai nhanh các công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản.

Chương trình năm 2026 triển khai trong bối cảnh khởi đầu giai đoạn, với nhiều cơ chế, chính sách, quy định mới được ban hành; nguồn vốn NSTW năm 2026 được giao vào tháng 7/2026, trong khi các tháng cuối năm là thời điểm tỉnh Quảng Trị bước vào mùa mưa bão, ảnh hưởng rất lớn đến việc triển khai thi công các hạng mục công trình, điều này tạo áp lực lớn về mặt tiến độ giải ngân cho những tháng cuối năm 2026.

Để đạt các mục tiêu của Chương trình đòi hỏi sự tích hợp, lồng ghép hiệu quả giữa các chương trình MTQG; tuy vậy, hiện nay các địa phương mới chỉ xây dựng được kế hoạch tích hợp giữa Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với Chương trình MTQG về phát triển văn hóa; trong khi các Chương trình MTQG về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển, Chương trình MTQG hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo vẫn chưa có quyết định giao vốn cho địa phương, nên rất khó xây dựng kế hoạch lồng ghép một cách đồng bộ, hiệu quả.

(Chi tiết có phụ lục số 02 kèm theo)

III. VIỆC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CHƯƠNG TRÌNH

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, tỉnh Quảng Trị đã từng bước tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Các sở, ban, ngành và địa phương sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành,

thư điện tử công vụ, hội nghị trực tuyến và các phần mềm dùng chung trong trao đổi thông tin, xử lý công việc và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Công tác thu thập, tổng hợp, quản lý số liệu phục vụ theo dõi, đánh giá Chương trình hiện được thực hiện thông qua các biểu mẫu và chế độ báo cáo định kỳ của các sở, ban, ngành, địa phương. Các cơ quan, đơn vị đã chủ động rà soát, cập nhật số liệu theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và tổng hợp báo cáo của tỉnh.

Tuy nhiên, đến nay Trung ương, tỉnh chưa có phần mềm báo cáo chung của Chương trình. Việc tổng hợp, đối chiếu và cập nhật số liệu hiện vẫn chủ yếu dựa trên các phương thức tổng hợp thủ công, điều này làm tăng khối lượng xử lý thông tin, kéo dài thời gian tổng hợp và ảnh hưởng đến tính đồng bộ, kịp thời của số liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

Trong thời gian tới, tỉnh sẽ tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành Chương trình; rà soát, nâng cao chất lượng công tác thống kê, báo cáo và từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý. Đồng thời, nghiên cứu ứng dụng các công cụ số trong theo dõi, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin của Trung ương khi được triển khai, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, tăng tính công khai, minh bạch và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giai đoạn mới.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Năm 2026 là năm đầu triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, tỉnh Quảng Trị đã tích cực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương và từng bước tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Hệ thống cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn ở tỉnh được ban hành khá đầy đủ tạo khung pháp lý thống nhất để tổ chức thực hiện Chương trình.

Bộ máy chỉ đạo, điều phối được kiện toàn theo hướng tập trung, thống nhất. Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Cơ quan Thường trực và cơ quan giúp việc đã được xác lập; tạo đầu mối tham mưu, điều phối, theo dõi và xử lý các vấn đề liên ngành. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt từ tỉnh đến cơ sở. Tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 7/7/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035; kế hoạch số 828/KH-UBND về triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội và Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của

Chính phủ về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình; Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030; cùng nhiều cơ chế, chính sách có liên quan đến thực hiện Chương trình.

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn thực hiện của Trung ương, tỉnh đã tích cực chỉ đạo các sở, ngành liên quan ban hành văn bản hướng dẫn chuyên ngành. Đến nay 18/18 sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh đã ban hành hướng dẫn thuộc lĩnh vực phụ trách, tạo cơ sở để địa phương triển khai thực hiện.

Công tác rà soát hiện trạng được thực hiện đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh. Qua rà soát, toàn tỉnh có 69 xã triển khai xây dựng nông thôn mới, trong đó có 03 xã nhóm 1, 28 xã nhóm 2 và 38 xã nhóm 3; bình quân đạt 1,7 tiêu chí/xã và 24,5/47 chỉ tiêu. Đối với 14 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026, bình quân đạt 2,7 tiêu chí/xã và 32,5/47 chỉ tiêu, tạo cơ sở quan trọng để xây dựng lộ trình và bố trí nguồn lực thực hiện.

Công tác giảm nghèo bền vững và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tiếp tục được quan tâm; hạ tầng kinh tế - xã hội ở nhiều địa phương từng bước được đầu tư; các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ sản xuất, đào tạo nghề, phát triển sinh kế được triển khai đồng bộ, góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân. Chương trình OCOP, phát triển kinh tế tập thể và hợp tác xã tiếp tục được chú trọng; nhiều sản phẩm đặc trưng địa phương được nâng cao chất lượng, mở rộng thị trường tiêu thụ; nhận thức của người dân về phát triển kinh tế nông thôn, chuyển đổi số và liên kết sản xuất từng bước được nâng lên. Việc ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý, điều hành, tuyên truyền, giám sát và tổng hợp báo cáo được tăng cường, góp phần đổi mới phương thức tổ chức thực hiện chương trình.

2. Tồn tại, hạn chế

Hiện nay, văn bản hướng dẫn của một số bộ ngành chưa đầy đủ; nhiều nội dung hướng dẫn còn chung chung, chưa cụ thể⁶. Do đó, một số cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thuộc thẩm quyền của địa phương chưa được ban hành đầy đủ do phải chờ hướng dẫn chi tiết của Trung ương.

Việc triển khai Chương trình trong năm đầu của giai đoạn 2026 - 2030 vẫn còn nhiều khó khăn; tiến độ giao kế hoạch vốn trung hạn và phân bổ vốn hằng

⁶ Thông tư 02/2026/TT-BDĐT ngày 04/6/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn thực hiện đối với nội dung hỗ trợ, thiết lập, duy trì điểm ứng dụng công nghệ thông tin tại xã, thôn để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và an ninh trật tự còn chưa cụ thể gây khó khăn, lúng túng cho địa phương trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện trong thời gian đến. Chưa có hướng dẫn của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đối với nội dung: Hỗ trợ duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS&MN. Bộ Dân tộc và Tôn giáo chưa ban hành bộ tài liệu về triển khai thực hiện bồi dưỡng kiến thức dân tộc thực hiện cho giai đoạn 2026-2030 phù hợp với điều kiện của địa phương.

năm còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân nguồn vốn.

Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, cấp xã là cấp trực tiếp triển khai phần lớn nhiệm vụ của Chương trình. Tuy nhiên, mô hình tổ chức đầu mối tham mưu, cơ chế phối hợp và phân công nhiệm vụ giữa các lĩnh vực nông nghiệp, dân tộc, giảm nghèo, tài chính - kế hoạch, xây dựng, văn hóa - xã hội ở cấp xã chưa thật sự rõ. Trong khi đó, Chương trình giai đoạn 2026-2030 yêu cầu cấp xã phải thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ như lập kế hoạch, xác định đối tượng thụ hưởng, lựa chọn dự án, lồng ghép nguồn lực, theo dõi giải ngân, kiểm tra hiện trường, tổng hợp báo cáo và chịu trách nhiệm giải trình. Nguy cơ quá tải và không đồng đều về chất lượng tổ chức thực hiện giữa các địa phương là rất lớn.

Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026–2030 có nhiều nội dung mới, yêu cầu cao hơn so với giai đoạn trước, đặc biệt là các tiêu chí về quy hoạch, thu nhập, môi trường, chuyển đổi số, thương mại điện tử, dịch vụ công trực tuyến, giáo dục, y tế và ứng dụng công nghệ thông minh.

Nguồn lực đầu tư còn hạn chế trong khi nhu cầu vốn rất lớn. Giai đoạn 2026-2030, nguồn vốn đầu tư công ngân sách Trung ương chỉ bằng 64,5% so với giai đoạn 2021-2025, chưa tương xứng với phạm vi, mục tiêu, đối tượng và nhu cầu thực tế của tỉnh, nhất là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới và địa bàn có tỷ lệ nghèo đa chiều cao. Nhiều xã mới đạt từ 1-2 tiêu chí; một số xã chưa đạt tiêu chí nào; nhiều công trình hạ tầng thiết yếu đã xuống cấp nhưng chưa được đầu tư, nâng cấp kịp thời. Công tác huy động nguồn lực xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và phát triển kinh tế tập thể còn hạn chế; năng lực quản trị của nhiều hợp tác xã chưa đáp ứng yêu cầu; liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chưa bền vững.

Thời gian còn lại để tổ chức thực hiện và giải ngân vốn năm 2026 bị rút ngắn do Trung ương giao kế hoạch vốn chậm; nhiều nhiệm vụ cần trải qua các bước rà soát, lựa chọn đối tượng, lập và phê duyệt dự án, tổ chức thực hiện, nghiệm thu nên nguy cơ chậm tiến độ, giảm hiệu quả đầu tư còn lớn.

Giải ngân nguồn vốn của giai đoạn 2021 - 2025 được kéo dài sang năm 2026 còn thấp, trong khi khối lượng vốn, dự án và nhiệm vụ chuyển tiếp lớn. Một số địa phương còn lúng túng trong xử lý các khoản kinh phí đã hết nhiệm vụ chi, không còn nhiệm vụ chi hoặc còn nhiệm vụ chi nhưng không thể tiếp tục thực hiện.

Đời sống của người dân ở một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi còn nhiều khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo còn cao; chất lượng nguồn nhân lực nông thôn chưa đồng đều; tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu ngày càng lớn.

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

Năm 2026 là năm đầu triển khai Chương trình tích hợp, phạm vi rộng, nội dung nhiều, liên quan đến nhiều bộ, ngành, địa phương và nhóm đối tượng thụ hưởng. Việc tổ chức lại mục tiêu, nhiệm vụ và nguồn lực của ba Chương trình trước đây trong một khuôn khổ thống nhất cần thời gian để hoàn thiện cơ chế phối hợp, thống nhất cách hiểu và phương thức tổ chức thực hiện.

Quá trình triển khai Chương trình diễn ra đồng thời với việc sắp xếp tổ chức bộ máy và vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Việc thay đổi đầu mối, chuyển giao nhiệm vụ, hồ sơ, dữ liệu và kiện toàn đội ngũ cán bộ đã ảnh hưởng nhất định đến tiến độ xây dựng kế hoạch, ban hành văn bản và tổ chức thực hiện tại địa phương.

Hệ thống cơ chế, chính sách thực hiện chương trình mặc dù đã được tích cực triển khai nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu.

Nguồn vốn ngân sách trung ương chưa được phân bổ kịp thời; khả năng cân đối ngân sách địa phương còn hạn chế so với nhu cầu thực tế.

Thiên tai, biến đổi khí hậu, diễn biến bất thường của thị trường và giá cả vật tư đầu vào đã tác động tiêu cực đến sản xuất và đời sống của người dân.

b) Nguyên nhân chủ quan

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số địa phương chưa quyết liệt; việc phối hợp giữa các ngành, các cấp có thời điểm chưa đồng bộ.

Ở một số địa phương cán bộ phụ trách nông thôn mới phải kiêm nhiệm nhiều công việc, trong khi có một số cán bộ còn lúng túng trong việc tiếp cận các quy định mới; năng lực tham mưu và tổ chức thực hiện chưa đồng đều.

Công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế tập thể và chuyển đổi số ở một số nơi chưa đạt hiệu quả cao.

Việc huy động các nguồn lực ngoài ngân sách còn hạn chế; một số địa phương còn tâm lý trông chờ, phụ thuộc vào nguồn hỗ trợ của Nhà nước.

4. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức có liên quan

Các cấp ủy đảng, chính quyền, sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan đã chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, thẩm quyền được giao; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, trách nhiệm của người đứng đầu

một số cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện chương trình chưa thực sự quyết liệt; công tác phối hợp liên ngành có thời điểm chưa chặt chẽ. Các địa phương cần tiếp tục nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, xác định rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

5. Bài học kinh nghiệm

Xác định triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cần có sự vào cuộc mạnh mẽ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị, có sự lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên của cấp ủy đảng và chỉ đạo quyết liệt của chính quyền các cấp.

Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, điều hành và giám sát chương trình. Thực hiện hiệu quả việc lồng ghép các nguồn lực, huy động sự tham gia của toàn xã hội nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

Cần đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các địa phương, gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu.

Lấy người dân làm chủ thể, doanh nghiệp và hợp tác xã làm động lực; phát huy vai trò của cộng đồng trong quá trình tổ chức thực hiện.

V. GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ

1. Giải pháp

a) Về công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương trong triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Phát huy vai trò của người đứng đầu, phân công rõ trách nhiệm cho từng cơ quan, phòng ban có liên quan trong triển khai thực hiện.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ và người dân trong triển khai thực hiện chương trình.

Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương trong việc hướng dẫn hỗ trợ về nghiệp vụ và nguồn lực để hỗ trợ các địa phương triển khai thực hiện; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số.

Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho cơ sở.

b) Về hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách

Tiếp tục rà soát, ban hành đầy đủ các cơ chế, chính sách thực hiện Chương

trình (gồm Quyết định quy định xã nông thôn mới hiện đại, thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới; tham mưu phân bổ vốn chi thường xuyên cho các đơn vị, địa phương).

Nghiên cứu xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; cơ chế hỗ trợ phát triển hợp tác xã, sản phẩm OCOP, chuyển đổi số và kinh tế tuần hoàn.

c) Về đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn

Hiện nay nguồn vốn đầu tư công ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, trong thời gian tới tỉnh sẽ tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh để sớm phân bổ nguồn vốn chi thường xuyên ngân sách Trung ương thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, làm cơ sở để các sở, ngành địa phương triển khai thực hiện.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện và giải ngân các nguồn vốn, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các địa phương.

d) Các giải pháp khác

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò của chủ thể, người dân trong xây dựng nông thôn mới giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhằm tạo sự lan toả mạnh mẽ đến cộng đồng và người dân; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng dân cư, bảo đảm công khai, minh bạch trong tổ chức thực hiện.

Tập trung huy động mọi nguồn lực hỗ trợ, ưu tiên lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình, dự án để thực hiện và hoàn thiện các tiêu chí có liên quan; bố trí hợp lý nguồn ngân sách địa phương, các nguồn xã hội hóa, các nguồn tài trợ đầu tư cho chương trình để triển khai thực hiện.

Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn để phát động các phong trào thi đua, hướng đến xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu; phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững.

2. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn về mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm và cơ chế phối hợp của cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình cấp tỉnh; đồng thời hướng dẫn đầu mối tham mưu thực hiện Chương trình ở cấp xã sau khi vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm thống nhất, không phát sinh bộ máy nhưng đủ năng lực tổ chức thực hiện.

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính sớm hoàn thiện phần mềm báo cáo chung các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-

2030, bảo đảm tích hợp dữ liệu về giao vốn, giải ngân, quyết toán, kết quả thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí và kết nối, đối chiếu với các hệ thống quản lý tài chính, ngân sách có liên quan.

Trên đây là báo cáo việc thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị./.

Nơi nhận:

- Hội đồng Dân tộc Quốc hội khoá XVI;
- BCH Đảng bộ tỉnh, BTV Tỉnh ủy;
- TT HĐND, TT UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP ĐDBQH&HĐND và các Ban HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Bảo

PHỤ LỤC SỐ 01

VĂN BẢN QUY ĐỊNH HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035 THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

TT	Nội dung	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan ban hành	Thời hạn cần ban hành văn bản theo quy định	Vướng mắc, bất cập, hạn chế (nếu có); nguyên nhân chậm ban hành
A	VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH				
I	VĂN BẢN VỀ QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH				
1	Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 7/7/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tỉnh ủy	Quý II/2026	
2	Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào DTTS&MN, thôn ĐBKK; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030; Quyết định số 2556a/QĐ-UBND ngày 30/06/2026 của UBND tỉnh về điều chỉnh khu vực I, II, III ban hành kèm theo Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 phê duyệt danh sách thôn	Sở Dân tộc và Tôn giáo	UBND tỉnh	Quý I/2026	

TT	Nội dung	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan ban hành	Thời hạn cần ban hành văn bản theo quy định	Vướng mắc, bất cập, hạn chế (nếu có); nguyên nhân chậm ban hành
	vùng đồng bào DTTS&MN, thôn ĐBK; xã vùng đồng bào DTTS&MN, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị				
3	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2035	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đảng ủy UBND tỉnh	Sau khi ban hành Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2035	
4	Quyết định số 2793/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Trị	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND tỉnh	Năm 2026	

TT	Nội dung	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan ban hành	Thời hạn cần ban hành văn bản theo quy định	Vướng mắc, bất cập, hạn chế (nếu có); nguyên nhân chậm ban hành
5	Kế hoạch số 828/KH-UBND ngày 10/3/2026 thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 424/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện các CTMTQG tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2035	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND tỉnh	Quý I/2026	
6	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và Kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND tỉnh	Quý III/2026	
7	Quyết định số 1669/QĐ-UBND ngày 06/5/2026 của UBND tỉnh về phân công chủ trì, hướng dẫn thực hiện các hợp phần, nội dung CTMTQG giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND tỉnh	Quý II/2026	
8	Công văn số 940/UBND-NNMT ngày 17/3/2026 triển khai thực hiện Nghị định số 358/2025/NĐ-CP về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện CTMTQG	Sở Tài chính	UBND tỉnh	Quý I/2026	

TT	Nội dung	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan ban hành	Thời hạn cần ban hành văn bản theo quy định	Vướng mắc, bất cập, hạn chế (nếu có); nguyên nhân chậm ban hành
9	Công văn số 1947/UBND-TH ngày 18/11/2025 về giải quyết khó khăn, vướng mắc thực hiện CTMTQG	Sở Tài chính	UBND tỉnh	Năm 2025	
10	Công văn số 1038/UBND-NNMT ngày 23/3/2026 của UBND tỉnh về chỉ đạo xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND tỉnh	Quý I/2026	
11	Công văn số 3157/VP-NNMT ngày 22/4/2026 của Văn phòng UBND tỉnh về triển khai các nhiệm vụ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển KT-XH vùng ĐBDTTS và MN	Sở Nông nghiệp và Môi trường	VP UBND tỉnh	Quý II/2026	
12	Công văn số 2440/UBND-NNMT ngày 25/5/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về giao nhiệm vụ hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện các tiêu chí chưa đạt của các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM năm 2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND tỉnh	Quý II/2026	
II	VĂN BẢN QUY ĐỊNH VỀ LẬP, PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN VỐN NSNN				

TT	Nội dung	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan ban hành	Thời hạn cần ban hành văn bản theo quy định	Vướng mắc, bất cập, hạn chế (nếu có); nguyên nhân chậm ban hành
1	Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước; tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện CTMTQG	Sở Nông nghiệp và Môi trường	HĐND tỉnh	Tháng 7/2026	
2	Công văn số 74/UBND-NC ngày 12/01/2026 về rà soát, chuyển nguồn vốn kéo dài sang năm 2026 CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN	Sở Dân tộc và Tôn giáo	UBND tỉnh	Quý IV/2025	
3	Văn bản số 776/SDTTG-KHTH ngày 29/6/2026 hướng dẫn phương án phân bổ vốn NSNN đối với các nội dung, chính sách CTMTQG vùng đồng bào DTTS&MN và đơn đốc giải ngân vốn 2025 kéo dài sang 2026	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Quý II/2026	
4	Công văn số 2847/UBND-NNMT ngày 12/6/2026 của UBND tỉnh đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2026 - 2030	Sở Tài chính	UBND tỉnh	Quý II/2026	

TT	Nội dung	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan ban hành	Thời hạn cần ban hành văn bản theo quy định	Vướng mắc, bất cập, hạn chế (nếu có); nguyên nhân chậm ban hành
5	Công văn số 3032/UBND-NNMT ngày 23/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về triển khai thực hiện xã nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND tỉnh	Năm 2026	
6	Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 30/7/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và năm 2026 nguồn vốn NSTW thực hiện CTMTQG	Sở Tài chính	UBND tỉnh	Tháng 7/2026	
III	VĂN BẢN QUY ĐỊNH CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH				
1	Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách các xã trên địa bàn tỉnh thuộc xã nhóm 1, xã nhóm 2, xã nhóm 3 để chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND tỉnh	Quý I/2026	
2	Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của UBND tỉnh về Quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 – 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND tỉnh	Quý II/2026	

TT	Nội dung	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan ban hành	Thời hạn cần ban hành văn bản theo quy định	Vướng mắc, bất cập, hạn chế (nếu có); nguyên nhân chậm ban hành
3	Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh	Quý II/2026	
B	VĂN BẢN CHẬM BAN HÀNH (NẾU CÓ)				
I	VĂN BẢN VỀ QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH				
1	Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã/phường/đặc khu	UBND tỉnh; UBND các xã/phường/đặc khu	Trong vòng 20 ngày sau khi HĐND tỉnh thông qua nghị quyết cơ chế, chính sách	Do tiếp tục sáp nhập thôn, bản nên số lượng, tên gọi thôn bản có sự thay đổi, điều chỉnh lớn, các xã đang rà soát để bảo đảm tính phù hợp và khả thi.
2	Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã/phường/đặc khu	UBND tỉnh; UBND các xã/phường/đặc khu	Năm 2026	Ban hành sau khi tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh
II	VĂN BẢN QUY ĐỊNH VỀ LẬP, PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN VỐN NSNN				

TT	Nội dung	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan ban hành	Thời hạn cần ban hành văn bản theo quy định	Vướng mắc, bất cập, hạn chế (nếu có); nguyên nhân chậm ban hành
1	Nghị quyết HĐND tỉnh ban hành quy định nội dung và mức hỗ trợ trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 – 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	HĐND tỉnh	Theo tiến độ	
2	Nghị quyết HĐND tỉnh về phương án lồng ghép giữa các CTMTQG và chương trình, dự án khác	Sở Tài chính	HĐND tỉnh	Năm 2026	
3	Nghị quyết HĐND tỉnh quy định chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện CTMTQG	Sở Tài chính	HĐND tỉnh	Theo tiến độ	
4	Thông báo dự kiến tổng mức chi thường xuyên ngân sách Trung ương giai đoạn 2026-2030 thực hiện Chương trình	Sở Tài chính	UBND tỉnh	Theo tiến độ	Hiện đang xây dựng phương án, cân đối các nhiệm vụ chi giữa cấp tỉnh và cấp xã.
5	Quyết định quy định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn NSNN giao cộng đồng thực hiện	Sở Tài chính	UBND tỉnh	Theo tiến độ	
III	VĂN BẢN QUY ĐỊNH CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH				

TT	Nội dung	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan ban hành	Thời hạn cần ban hành văn bản theo quy định	Vướng mắc, bất cập, hạn chế (nếu có); nguyên nhân chậm ban hành
1	Quyết định UBND tỉnh phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án liên kết theo chuỗi giá trị và dự án cộng đồng thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND tỉnh	Theo tiến độ	
2	Quyết định ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản, (gọi chung là thôn) nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND tỉnh	Năm 2026	Theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh được giao ban hành Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới. Tuy nhiên, do các thôn, bản sau sắp xếp đơn vị hành chính có quy mô dân số và diện tích lớn hơn trước, điều kiện phát triển giữa các địa bàn còn nhiều khác biệt nên việc xây dựng Bộ tiêu chí cần được nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng để bảo đảm tính phù hợp và khả thi.

TT	Nội dung	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan ban hành	Thời hạn cần ban hành văn bản theo quy định	Vướng mắc, bất cập, hạn chế (nếu có); nguyên nhân chậm ban hành
3	Quyết định Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND tỉnh	Năm 2026	Theo QĐ số 51/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại được giao cho UBND cấp tỉnh quy định, tuy nhiên thực tế các sở, ngành mới chỉ có hướng dẫn tiêu chí NTM, chưa có hướng dẫn về tiêu chí NTM hiện đại nên chưa có cơ sở để tham mưu ban hành theo quy định

PHỤ LỤC SỐ 02
TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC
GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI ĐƯỢC KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN ĐẾN
NGÀY 31/12/2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 265/2025/QH15 CỦA QUỐC HỘI

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán chưa giải ngân được kéo dài		Dự toán đã làm thủ tục kéo dài		Lũy kế giải ngân đến 30/6/2026		Tỷ lệ (%)		Ước giải ngân đến ngày 31/12/2026		Tỷ lệ (%)	
		ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX
	TỔNG SỐ	191.086	375.084	191.086	375.084	46.567	46.955	24%	12,52%	191.086	243.504	100%	64,92%
	Vốn ngân sách trung ương	149.095	360.946	149.095	360.946	37.179	43.404	25%	12,03%	149.095	229.996	100%	63,72%
	Vốn ngân sách địa phương	41.991	14.138	41.991	14.138	9.388	3.551	22%	25,12%	41.991	13.508	100%	95,55%
A	Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (0051P)	140.092	254.602	140.092	254.602	30.626	35.817	22%	14,07%	140.092	165.854	100%	65,14%
	Vốn ngân sách trung ương	124.292	245.944	124.292	245.944	29.350	35.712	24%	14,52%	124.292	157.197	100%	63,92%
	Vốn ngân sách địa phương	15.800	8.658	15.800	8.658	1.276	105	8%	1,22%	15.800	8.658	100%	100,00%
1	Dự án: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà	46.484	10.755	46.484	10.755	8.201	546	18%	5,08%	46.484	8.070	100%	75,04%

STT	Nội dung	Dự toán chưa giải ngân được kéo dài		Dự toán đã làm thủ tục kéo dài		Lũy kế giải ngân đến 30/6/2026		Tỷ lệ (%)		Ước giải ngân đến ngày 31/12/2026		Tỷ lệ (%)	
		ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX
	ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (00511)												
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>	32.920	8.949	32.920	8.949	6.925	546	21%	6,10%	32.920	6.264	100%	70,00%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>	13.564	1.806	13.564	1.806	1.276	0	9%	0,00%	13.564	1.806	100%	100,00%
2	Dự án: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết (00512)	27.898	16.421	27.898	16.421	676	0	2%	0,00%	27.898	11.884	100%	72,37%
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>	26.186	15.123	26.186	15.123	676	0	3%	0,00%	26.186	10.586	100%	70,00%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>	1.712	1.298	1.712	1.298	0	0		0,00%	1.712	1.298	100%	100,00%
3	Dự án: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để	0	76.900	0	76.900		7.636		9,93%	-	46.705		60,73%

STT	Nội dung	Dự toán chưa giải ngân được kéo dài		Dự toán đã làm thủ tục kéo dài		Lũy kế giải ngân đến 30/6/2026		Tỷ lệ (%)		Ước giải ngân đến ngày 31/12/2026		Tỷ lệ (%)	
		ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX
	sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (00513)												
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>		75.488		75.488		7.636		10,12%		45.293		60,00%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>		1.412		1.412						1.412		100,00%
4	Dự án: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc (00514)	33.671	48.406	33.671	48.406	15.484	22.504	46%	46,49%	33.671	29.166	100%	60,25%
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>	33.286	48.100	33.286	48.100	15.484	22.485	47%	46,75%	33.286	28.860	100%	60,00%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>	385	306	385	306		19		6,28%	385	306	100%	100,00%
5	Dự án: Phát triển giáo dục	640	48.394	640	48.394		1.301		2,69%	640	29.876	100%	61,74%

STT	Nội dung	Dự toán chưa giải ngân được kéo dài		Dự toán đã làm thủ tục kéo dài		Lũy kế giải ngân đến 30/6/2026		Tỷ lệ (%)		Ước giải ngân đến ngày 31/12/2026		Tỷ lệ (%)	
		ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX
	đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (00515)												
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>	629	46.295	629	46.295		1.215		2,62%	629	27.777	100%	60,00%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>	11	2.099	11	2.099		86		4,11%	11	2.099	100%	100,00%
6	Dự án: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (00516)	9.380	15.727	9.380	15.727	4.910	445	52%	2,83%	9.380	11.072	100%	70,40%
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>	9.380	15.516	9.380	15.516	4.910	445	52%	2,87%	9.380	10.861	100%	70,00%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>		211		211				0,00%		211		100,00%
7	Dự án: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người		2.129		2.129		161		7,56%		2.129		100,00%

STT	Nội dung	Dự toán chưa giải ngân được kéo dài		Dự toán đã làm thủ tục kéo dài		Lũy kế giải ngân đến 30/6/2026		Tỷ lệ (%)		Ước giải ngân đến ngày 31/12/2026		Tỷ lệ (%)	
		ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX
	dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (00517)												
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>		2.129		2.129		161		7,56%		2.129		100,00%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>												
8	Dự án: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (00518)		7.235		7.235		206		2,85%	-	7.235		100,00%
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>		7.161		7.161		206		2,88%		7.161		100,00%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>		74		74						74		100,00%
9	Dự án: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và	8.894	18.499	8.894	18.499	952	1.751	11%	9,47%	8.894	9.581	100%	51,79%

STT	Nội dung	Dự toán chưa giải ngân được kéo dài		Dự toán đã làm thủ tục kéo dài		Lũy kế giải ngân đến 30/6/2026		Tỷ lệ (%)		Ước giải ngân đến ngày 31/12/2026		Tỷ lệ (%)	
		ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX
	nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn (00519)												
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>	8.766	17.836	8.766	17.836	952	1.751	11%	9,82%	8.766	8.918	100%	50,00%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>	128	663	128	663					128	663	100%	100,00%
10	Dự án: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình (00521)	13.125	10.136	13.125	10.136	403	1.266	3%	12,49%	13.125	9.357	100%	92,31%
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>	13.125	9.348	13.125	9.348	403	1.266	3%	13,55%	13.125	9.348	100%	100,00%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>		789		789				0,00%		789		100,00%

[illegible]

STT	Nội dung	Dự toán chưa giải ngân được kéo dài		Dự toán đã làm thủ tục kéo dài		Lũy kế giải ngân đến 30/6/2026		Tỷ lệ (%)		Ước giải ngân đến ngày 31/12/2026		Tỷ lệ (%)	
		ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX
2	Dự án: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền. (00492)	36.762	1.440	36.762	1.440	9.364	152	25%	10,57%	36.762	1.319	100%	91,59%
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>	<i>10.723</i>	<i>1.211</i>	<i>10.723</i>	<i>1.211</i>	<i>1.252</i>	<i>148</i>	<i>12%</i>	<i>12,20%</i>	<i>10.723</i>	<i>1.090</i>	<i>100%</i>	<i>90,00%</i>
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>	<i>26.039</i>	<i>230</i>	<i>26.039</i>	<i>230</i>	<i>8.112</i>	<i>4</i>	<i>31%</i>	<i>1,95%</i>	<i>26.039</i>	<i>230</i>	<i>100%</i>	<i>100,00%</i>
3	Dự án: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	768	7.596	768	7.596	1	87		1,15%	768	5.725	100%	75,37%

[illegible]

[illegible]

STT	Nội dung	Dự toán chưa giải ngân được kéo dài		Dự toán đã làm thủ tục kéo dài		Lũy kế giải ngân đến 30/6/2026		Tỷ lệ (%)		Ước giải ngân đến ngày 31/12/2026		Tỷ lệ (%)	
		ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>												
5	Dự án: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn. (00495)	8	43	8	43		43		100,00%	8	43	100%	100,00%
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>												
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>	8	43	8	43		43		100,00%	8	43	100%	100,00%
6	Dự án: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du	102	163	102	163	5	6	5%	3,82%	102	163	100%	100,00%

[illegible]

STT	Nội dung	Dự toán chưa giải ngân được kéo dài		Dự toán đã làm thủ tục kéo dài		Lũy kế giải ngân đến 30/6/2026		Tỷ lệ (%)		Ước giải ngân đến ngày 31/12/2026		Tỷ lệ (%)	
		ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX
8	Dự án: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo	318	200	318	200	274		86%		318	200	100%	100,00%

STT	Nội dung	Dự toán chưa giải ngân được kéo dài		Dự toán đã làm thủ tục kéo dài		Lũy kế giải ngân đến 30/6/2026		Tỷ lệ (%)		Ước giải ngân đến ngày 31/12/2026		Tỷ lệ (%)	
		ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX
	bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới. (00498)												
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>	318	200	318	200	274	0	86%	0,00%	318	200	100%	100,00%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>												
9	Dự án: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM. (00499)		830		830		41		4,94%	-	830		100,00%
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>		830		830		41		4,94%	-	830		100,00%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>		0							-	0		

STT	Nội dung	Dự toán chưa giải ngân được kéo dài		Dự toán đã làm thủ tục kéo dài		Lũy kế giải ngân đến 30/6/2026		Tỷ lệ (%)		Ước giải ngân đến ngày 31/12/2026		Tỷ lệ (%)	
		ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX
10	Dự án: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn. (00501)		87		87					-	87		100,00%
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>		76		76						76		100,00%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>		11		11						11		100,00%
11	Dự án: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.		2.163		2.163		3.167		146,42%	-	2.163		100,00%

STT	Nội dung	Dự toán chưa giải ngân được kéo dài		Dự toán đã làm thủ tục kéo dài		Lũy kế giải ngân đến 30/6/2026		Tỷ lệ (%)		Ước giải ngân đến ngày 31/12/2026		Tỷ lệ (%)	
		ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX
	(00502)												
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>		2.163		2.163		107		4,95%		2.163		100,00%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>		1.048		1.048		3.060		292,07%		1.048		100,00%
C	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (0047P)	11.133	101.467	11.133	101.467	6.239	7.329	56%	7,22%	11.133	61.407	100%	60,52%
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>	10.997	98.681	10.997	98.681	6.239	7.061	57%	7,16%	10.997	59.250	100%	60,04%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>	136	2.786	136	2.786		269		9,64%	136	2.157	100%	77,40%
1	Dự án: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi	9.063	3.597	9.063	3.597	5.240	166	58%	4,63%	9.063	2.518	100%	70,00%

STT	Nội dung	Dự toán chưa giải ngân được kéo dài		Dự toán đã làm thủ tục kéo dài		Lũy kế giải ngân đến 30/6/2026		Tỷ lệ (%)		Ước giải ngân đến ngày 31/12/2026		Tỷ lệ (%)	
		ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX
	ngang, ven biển và hải đảo (00471)												
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>	8.927	3.597	8.927	3.597	5.240	166	59%	4,63%	8.927	2.518	100%	70,00%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>	136		136						136		100%	
2	Dự án: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (00472)		25.058		25.058		3.150		12,57%		17.881		71,36%
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>		23.923		23.923		3.074		12,85%		16.746		70,00%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>		1.136		1.136		75		6,63%		1.136		100,00%
3	Dự án: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (00473)		14.270		14.270		2.484		17,41%	-	10.109		70,84%
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>		13.871		13.871		2.328		16,78%		9.709		70,00%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>		399		399		156		39,07%		399		100,00%

STT	Nội dung	Dự toán chưa giải ngân được kéo dài		Dự toán đã làm thủ tục kéo dài		Lũy kế giải ngân đến 30/6/2026		Tỷ lệ (%)		Ước giải ngân đến ngày 31/12/2026		Tỷ lệ (%)	
		ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX
4	Dự án: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (00474)	2.070	40.947	2.070	40.947	999	289	48%	0,71%	2.070	28.838	100%	70,43%
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>	2.070	40.363	2.070	40.363	999	289	48%	0,72%	2.070	28.254	100%	70,00%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>		584		584				0,00%	-	584		100,00%
5	Dự án: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (00475)	8.894	820	8.894	820				0,00%	8.894	820	100%	100,00%
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>	8.766	820	8.766	820				0,00%	8.766	820	100%	100,00%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>	128		128						128		100%	
6	Dự án: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (00476)	8.894	3.625	8.894	3.625		114		3,13%	8.894	114	100%	3,13%
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>	8.766	3.326	8.766	3.326		111		3,33%	8.766	111	100%	3,33%

STT	Nội dung	Dự toán chưa giải ngân được kéo dài		Dự toán đã làm thủ tục kéo dài		Lũy kế giải ngân đến 30/6/2026		Tỷ lệ (%)		Ước giải ngân đến ngày 31/12/2026		Tỷ lệ (%)	
		ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX	ĐTPT	KPTX
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>	128	299	128	299		3		0,90%	128	3	100%	0,90%
7	Dự án: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (00477)	0	13.150	0	13.150		1.127		8,57%	-	1.127		8,57%
	<i>Vốn ngân sách trung ương</i>		12.782		12.782		1.092		8,54%		1.092		8,54%
	<i>Vốn ngân sách địa phương</i>		368		368		35		9,38%		35		9,38%